

History of Vietnamese art's
styles and transformations.

FPT Education
TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

HOA102(Art History)

LỊCH SỬ MỸ THUẬT Việt Nam

Sự phát triển và biến đổi của các phong cách nghệ thuật và các
tác phẩm nghệ thuật qua các thời kỳ trong nước.



GROUP 1 - GD1816

Thời kì tiền sử của Việt Nam

Thời tiền sử là giai đoạn quan trọng trong lịch sử loài người, kéo dài hàng triệu năm, đánh dấu quá trình từ cộng đồng nguyên thủy đến sự hình thành các nền văn minh đầu tiên, dựa trên sự phát triển của công cụ lao động và lối sống.

Thời kì đồ đá cũ

Thời gian: khoảng 200 đến 300 nghìn năm TCN

Địa điểm: Núi Đọ (Thịệu Hoá, Thanh Hóa) nơi cư trú của người Việt cổ



Rìu cầm tay ở Núi Đọ, Thanh Hóa
200 - 300 nghìn năm trước

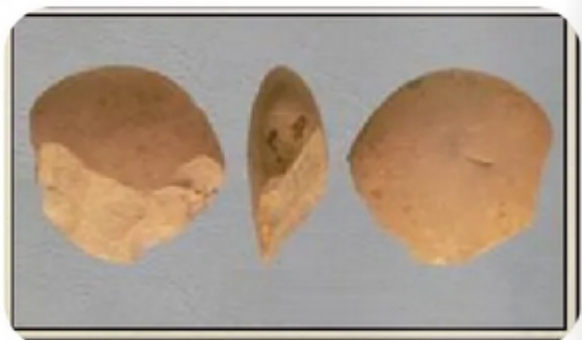
Di tích: Dụng cụ bằng đá được gia công thô: dao chặt, rìu cầm tay, nạo,...

Cuộc sống: Sống thành đàn trong hang động, sống bằng nghề săn bắt và thu thập thực phẩm bằng công cụ thô sơ bằng đá

Thời kì đồ đá cũ (nền văn hóa Sơn Vi)

Thời gian: 10.000 - 18.000 năm trước Di tích bộ lạc được gọi là văn hóa Sơn Vi (xã Sơn Vi, huyện Sông Thao, Phú Thọ).

Địa điểm: miền Bắc: từ Phú Thọ, Sơn La, Lai Châu đến Bắc Ninh. Miền Trung: từ Thanh Hóa, Nghệ An đến Quảng Trị.



Hiện vật văn hóa Sơn Vi 10.000 - 18.000 năm trước



hình 2 Hiện vật văn hóa Sơn Vi 10.000 - 18.000 năm trước

Di tích: Sử dụng những viên sỏi được chạm khắc tỉ mỉ làm công cụ lao động

Đời sống: Sống trong các thị tộc, bộ lạc có nhiều thế hệ cùng huyết thống

Thời kỳ đồ đá giữa (nền văn hóa Hòa Bình)

Thời gian : 15.000 - 2.000 TCN

Địa điểm: Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Thừa Thiên Huế, v.v.

Di tích: gồm các công cụ mài lưỡi, các công cụ bằng đá cuội được mài hai mặt, và các loại rìu, dao, và cuốc bằng đá.

Đời sống: Biết làm nông nghiệp, biết làm lều, nhà ở gần hang động, sông suối

Có lẽ đã bắt đầu nắm giữ những tín ngưỡng tôn giáo cơ bản: Thờ cúng vật tổ (Một vật linh thiêng như động vật, thực vật hoặc biểu tượng)



Hiện vật văn hóa Hòa Bình 15.000 - 2.000 TCN

Thời kỳ đồ đá mới

Thời gian : about 5.000 years ago

Địa điểm: Thăng Long (nay là Hà Nội), Huế và Đại Việt (nay là Thanh Hóa, Nghệ An)

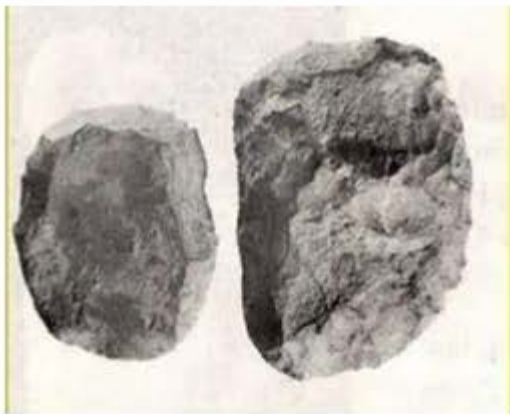
Di tích:

+ **Dụng cụ đẽo gọt:** vẫn có nhưng với sự phổ biến của kỹ thuật mài lưỡi dao, tạo ra các trục mài có tay cầm ⇒ tăng năng suất lao động

+ **Dụng cụ, vũ khí:** làm bằng tre, xương, sừng,..

+ **Đồ gốm:** được giới thiệu với nhiều hình dáng cơ bản, hoa văn đa dạng

+ **Đồ trang sức:** được làm từ nhiều chất liệu khác nhau: đá, vỏ ốc, đất nung, vỏ trai,.. với nhiều loại: vòng tay, dây chuyền, bông tai,..



Viên sỏi khắc mặt người (Naka, Thái Nguyên).

Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ dân tộc

Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ dân tộc, đặc biệt trong giai đoạn từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 19, là một bức tranh đa dạng và phong phú, phản ánh sự kết hợp giữa truyền thống dân tộc và ảnh hưởng ngoại lai.



hình 2 chùa một cột thời xưa

Thời Lý (1009-1225)

Kiến trúc và Điêu khắc: Đền, chùa phát triển mạnh mẽ, nổi bật là chùa Một Cột và Văn Miếu ở Hà Nội. Điêu khắc thời kỳ này thường mang hình ảnh rồng, phượng, hoa sen, thể hiện ảnh hưởng Phật giáo.

Gốm sứ: Gốm sứ thời Lý nổi tiếng với men ngọc mịn và những họa tiết chạm khắc tinh xảo, thường mang chủ đề Phật giáo.



hình 2 Điêu khắc tượng Phật A Di Đà với chi tiết tinh xảo



hình 2 Biểu tượng kiến trúc độc đáo của thời Lý Chùa Một Cột (Diên Hựu Tự)

Thời Trần (1225-1400)

Nghệ thuật Quân sự:

Giai đoạn này gắn liền với kháng chiến chống quân Nguyên Mông, khơi nguồn cho các chủ đề anh hùng trong các loại hình nghệ thuật.

Văn học: Phát triển mạnh mẽ văn học lịch sử và yêu nước, với các tác phẩm nổi bật như "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn.

Nghệ thuật Phật giáo:

Tiếp tục xây dựng các đền chùa và thiền viện, tạo ra các tác phẩm nghệ thuật tôn giáo quan trọng.



Chùa Phổ Minh



Đồ Gốm Trần

Thời Lê (1428-1789)

Ngoài việc phát triển kỹ thuật in và và hình thành nhã nhạc cung đình Huế. Thi mỹ thuật ở Thời Lê xuất hiện các tác phẩm sơn mài và chạm khắc gỗ tinh xảo, thường miêu tả cuộc sống thường nhật, thiên nhiên và thần thoại.



Văn Miếu Quốc Tử Giám

Thời Nguyễn (1802-1945)

Kinh thành Huế: Việc xây dựng kinh thành Huế thể hiện sự kết hợp giữa kiến trúc truyền thống Việt Nam và các phong cách ngoại lai, biểu tượng cho sự thống nhất và sức mạnh quốc gia.

Hội họa và điêu khắc: Phát triển các nghề thủ công truyền thống, với sự tập trung vào các bức tranh chi tiết và sống động về cảnh quan, thiên nhiên và động vật.

Văn học: Tăng cường sản xuất thơ và văn xuôi, chịu ảnh hưởng của cả chủ đề Trung Quốc cổ điển và Việt Nam.



Kinh Thành Huế



Nghệ thuật kháng chiến

Nghệ thuật kháng chiến Việt Nam là một phần quan trọng của văn hóa và lịch sử dân tộc, phản ánh sự kiên cường và lòng yêu nước qua nhiều thời kỳ đấu tranh chống ngoại xâm.

Truyện dân gian và truyền khẩu

1. Truyền thuyết về Thánh Gióng

Thánh Gióng là một trong "Tứ bất tử" của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, biểu tượng cho tinh thần chống giặc ngoại xâm. Truyền thuyết kể về một cậu bé lớn lên kỳ diệu và đánh đuổi giặc Ân, thể hiện khát vọng hòa bình và sức mạnh dân tộc.



2. Các câu chuyện về Hùng Vương

Những câu chuyện về 18 đời Hùng Vương, người lập quốc và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, luôn được lưu truyền và kể lại qua các thế hệ.

Văn học và nghệ thuật cách mạng

1. Tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập" của Hồ Chí Minh
2. Tranh cổ động cách mạng
3. Văn học thời kỳ kháng chiến chống Pháp
4. Âm nhạc kháng chiến

Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ dân tộc

Nghệ thuật kháng chiến là một phần quan trọng của mỹ thuật Việt Nam, phản ánh sự kết hợp đa dạng giữa truyền thống bản địa và ảnh hưởng từ bên ngoài, với những chủ đề về sự kiên cường và lòng yêu nước.

Tất cả những yếu tố trên đã tạo nên một nền nghệ thuật kháng chiến phong phú và đầy ý nghĩa, góp phần xây dựng và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ đấu tranh.



Tranh cổ động là một phần quan trọng của mỹ thuật cách mạng Việt Nam

Nghệ thuật thời Lê sơ (1427-1525)

Thời Lê sơ (1428-1527) là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử Việt Nam, được đánh dấu bởi nhiều biến cố chính trị, kinh tế và xã hội.

Khởi nghĩa Lam Sơn: Năm 1418, Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn chống lại ách đô hộ của nhà Minh. Sau 10 năm kháng chiến gian khổ, nghĩa quân Lam Sơn giành thắng lợi và lập nên triều đại nhà Lê.

Lê Lợi lên ngôi: Năm 1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi, lấy hiệu là Lê Thái Tổ, mở đầu cho thời kỳ Lê sơ.

Kinh tế

Kinh tế: Triều đại tập trung vào phát triển nông nghiệp như khai hoang và phát triển thủy lợi, thiết lập quyền sở hữu nhà nước về đất đai và bãi bỏ điền trang.

Nhiều trung tâm thủ công được thành lập và triều đại cũng thành lập các xưởng thủ công để đúc vũ khí, đóng tàu và thúc đẩy khai thác mỏ.

Dưới thời Lê Sơ đã có nhiều nghề thủ công nghiệp ra đời, mang đến nhiều sản phẩm có giá trị và được lưu truyền đến tận bây giờ. Bao gồm: nghề gốm, nghề dệt, nghề sơn, nghề chạm khắc đá, nghề in mộc bản.



Văn học

Mặc dù nhà nước tập trung vào chữ Hán nhưng văn học chữ Nôm vẫn đang phát triển (**điển hình là "Quốc âm thi tập" của Nguyễn Trãi**)

Nho giáo rất được tôn trọng và là hình mẫu để xây dựng đất nước và cai trị nhân dân. Ban hành nhiều luật hạn chế Phật giáo. Đạo giáo phát triển.



Mỹ thuật đầu thời Lê (1427-1525)

Lê Lợi lên ngôi vua

Trước thời kỳ Lê Lợi, Thăng Long (nay là Hà Nội) đã từng là kinh đô của các triều đại Lý, Trần, và Hồ, trở thành trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế của quốc gia. Thăng Long mang trong mình những giá trị lịch sử sâu sắc, là biểu tượng của sự tự chủ và văn hiến Việt Nam.

Năm 1430, vua Lê Lợi đổi tên thành Thăng Long thành Đông Kinh và bắt đầu tu sửa thành Thăng Long cũ. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Việt Nam, phản ánh sự nối tiếp và đổi mới dưới triều đại nhà Lê.



Mỹ thuật đầu thời Lê (1427-1525)

Kiến trúc

Kiến trúc cung điện hoàng gia

Sau khi lên ngôi, Lê Lợi đã xây dựng lại kinh đô xứng đáng với tầm vóc của một nhà nước phong kiến hùng mạnh.

Thời kỳ đầu nhà Lê, nhiều loại hình kiến trúc phát triển như kiến trúc cung đình, kiến trúc lăng mộ, kiến trúc đình chùa, trường thi...



Bản đồ Hồng Đức, được tạo ra dưới triều đại vua Lê Thánh Tông (1460-1497), cung cấp một hình ảnh chi tiết về thành Đông Kinh, trước đây được gọi là Thăng Long.

Mỹ thuật đầu thời Lê (1427-1525)

Kiến trúc

Kiến trúc cung điện hoàng gia

Điện Kính Thiên là công trình chính trong thành Đông Kinh thời Lê, nơi vua làm việc.



Điện Kính Thiên



Điện Cần Chánh là nơi diễn ra các hoạt động triều chính quan trọng, nơi vua và các quan lại thảo luận, quyết định những vấn đề hệ trọng của quốc gia.



Điện Cần Chánh



Mỹ thuật đầu thời Lê (1427-1525)

Kiến trúc

Kiến trúc cung điện hoàng gia

Năm 1433, nhà Lê còn xây dựng cung Lam Kinh làm nơi ở của họ hàng nhà vua ở Lam Sơn, Thanh Hóa.



Cung Lam Kinh



Do Phật giáo còn hạn chế nên các ngôi chùa mới không được xây dựng nhiều nhưng việc trùng tu các ngôi chùa cũ vẫn được duy trì.



Bao Thien Pagoda (1434)



Chùa Thành

Mỹ thuật đầu thời Lê (1427-1525)

Kiến trúc

Kiến trúc cung điện hoàng gia

Thời kỳ đầu nhà Lê, nhiều đền, miếu được xây dựng khắp cả nước để thờ những người có công với nước như Ngô Quyền, Phùng Hưng. Đền Khổng Tử được nhà nước khuyến khích xây dựng.



Văn miếu Mao Điền ở Hải Dương là nơi thờ Khổng Tử.

Kiến trúc chùa tháp

Các trường học, trường thi tuyển cũng được xây dựng trên khắp cả nước. Cho đến ngày nay, các công trình kiến trúc thời Lê sơ như Văn Miếu cũng đã được tu sửa nhiều lần.



Văn miếu Quốc Tử Giám

Mỹ thuật đầu thời Lê (1427-1525)

Kinh tế: Triều đại tập trung vào phát triển nông nghiệp như khai hoang và phát triển thủy lợi, thiết lập quyền sở hữu nhà nước về đất đai và bãi bỏ điền trang. Nhiều trung tâm thủ công được thành lập và triều đại cũng thành lập các xưởng thủ công để đúc vũ khí, đóng tàu và thúc đẩy khai thác mỏ.

Lê Lợi (1417-1427) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi về vang, đánh đuổi quân Minh ra khỏi nước. Sau đó ông lên làm vua và lập ra nhà Lê.

Bối cảnh lịch sử - xã hội thời Lê sơ

Nho giáo rất được tôn trọng và là hình mẫu để xây dựng đất nước và cai trị nhân dân. Ban hành nhiều luật hạn chế Phật giáo. Đạo giáo phát triển. Mặc dù nhà nước tập trung vào chữ Hán nhưng văn học chữ Nôm vẫn đang phát triển (điển hình là Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi).



"Quốc âm thi tập" by Nguyễn Trãi

Kiến trúc

Kiến trúc cung điện hoàng gia



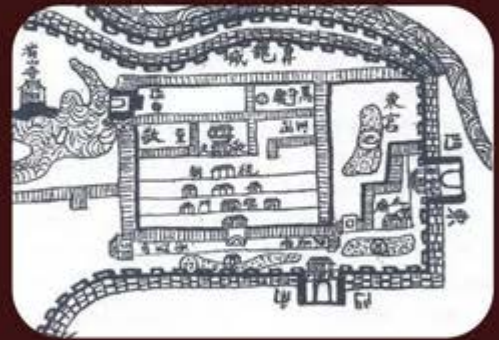
In 1430, King Lê Lợi changed the name of Thang Long citadel to Dong Kinh and began to repair the old Thang Long citadel.

Thời kỳ đầu nhà Lê, nhiều loại hình kiến trúc phát triển như kiến trúc cung đình, kiến trúc lăng mộ, kiến trúc đình chùa, trường thi...

Kiến trúc cung điện hoàng gia

Sau khi lên ngôi, Lê Lợi đã xây dựng lại kinh đô xứng đáng với tầm vóc của một nhà nước phong kiến hùng mạnh.

Dong Kinh Citadel according to Hong Duc map



Điện Kính Thiên là công trình chính trong thành Đông Kinh thời Lê, nơi vua làm việc.



Kính Thiên Palace in 1873



The ground and steps of Kinh Thien Palace in the Le Dynasty still exist to this day.



Năm 1433, nhà Lê còn xây dựng cung Lam Kinh làm nơi ở của họ hàng nhà vua ở Lam Sơn, Thanh Hóa.



In 1434, Bao Thien pagoda was rebuilt

Kiến trúc chùa:

Thời kỳ đầu nhà Lê, nhiều đền, miếu được xây dựng khắp cả nước để thờ những người có công với nước như Ngô Quyền, Phùng Hưng. Đền Khổng Tử được nhà nước khuyến khích xây dựng.

Mao Dien Temple of Literature in Hai Duong is the place to worship Khổng Tử (Confucius)



Các trường học:

trường thi tuyển cũng được xây dựng trên khắp cả nước. Cho đến ngày nay, các công trình kiến trúc thời Lê sơ như Văn Miếu cũng đã được tu sửa nhiều lần.

Kiến trúc

Kiến trúc lăng mộ

Các lăng tẩm thời Lê sơ tập trung ở Lam Sơn:

- 1- Lăng Lê Thái Tổ (1428-1433),
- 2- Lăng Lê Thái Tông (1434-1442),
- 3- Lăng Lê Nhân Tông (1443-1459),
- 4- Lăng Lê Thánh Tông (1460-1497),
- 5- Lăng Lê Hiến Tông (1497-1504),
- 6- Lăng Lê Túc Tông.

Ngoài ra còn có lăng mộ của các hoàng hậu và công chúa như Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Ngô Thị Ngọc Giao và Công chúa Thúy Hoa.



Tomb of Lê Thái Tổ at Lam Kinh Relic, Thanh Hóa, was built first and is also typical of the tomb architecture of the Le Dynasty.

Nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ: Thời Lê sơ, điêu khắc vẫn gắn liền với kiến trúc. Tượng phổ biến là tượng quan, tượng thú, tạc trên cổng điện Kính Thiên, bàn thờ Nam Giao, bia mộ, bia tiến sĩ ở Văn Miếu (Hà Nội).

Statue of a mandarin in the mausoleum of King Le Thai To - Lam Kinh relic area, Thanh Hoa.



Nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ: Các lăng mộ thời Lê thường trang trí 10 tượng chia làm 5 cặp: người, lân, tê giác, ngựa và hổ. Ở một số lăng mộ sau này, tượng voi được thay thế bằng tượng hổ, còn các tượng khác vẫn được giữ nguyên. Kích thước trung bình là 1,1m (con người) và 0,60m (động vật).

On both sides of the tomb of King Le Thai To are two pairs of stone elephants



Hình 2 Ngựa (đá) (Lăng vua Lê Thái Tổ, Thanh Hóa)

Horse statue at the mausoleum of King Le Thai To, stone, 45cm high, 1433.



Elephant statue in the mausoleum of King Le Hien Tong - Lam Kinh relic site, Thanh Hoa.

Nét đặc trưng của điêu khắc thời Lê sơ được thể hiện rõ nét từ thời vua Lê Thánh Tông. Các tác phẩm có phong cách cầu kỳ, tinh tế. Văn hóa dân gian được giảm dần, có tính biểu cảm và biểu tượng cao. Công trình tiêu biểu là tấm bia đá Vĩnh Lăng.

Xung quanh tấm bia có trang trí hình tượng rồng xếp ở nửa lá tựa.



Vĩnh Lăng stone stele



Trên trán bia có họa tiết hai con rồng đang chiêm ngưỡng
Giữa trán có hình vuông, ở giữa có hình tròn, ở giữa có hình rồng uốn lượn có bố cục cân đối.



Dragon motifs on Vĩnh Lăng stele



Decorative patterns on stele of the Le Dynasty



Dragon statue on the doorstep of Kinh Thien Palace



Stone Dragon in Lam Kinh

Tranh vẽ



Hai thể loại phát triển nhất thời kỳ này là tranh phong cảnh và tranh chân dung. Nổi tiếng nhất là bức chân dung Nguyễn Trãi vẽ trên lụa, được tìm thấy tại chùa của ông ở làng Nhị Khê.

Portrait of Nguyen Trai

Đồ gốm



Gốm sứ màu trắng ngà trang trí men xanh.

Ở giai đoạn đầu, thiết kế đơn giản, đường nét sạch sẽ, mộc mạc.
Về sau, đồ gốm có xu hướng công kênh, sơn nhiều màu như nâu vàng.
Ngoài việc vẽ trực tiếp, trang trí chạm nổi cũng được sử dụng.

Nghệ Thuật Thời Trần (1226 - 1400)

Năm 1225, nhà Lý suy vong, vua Lý Huệ Tông truyền ngôi cho con gái Lý Chiêu Hoàng (7 tuổi). Quyền lực trong triều đình nằm trong tay Trần Thủ Độ.

Ngày 11 tháng 1 năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, người sau đó lên ngôi với niên hiệu Thái Tông.

Đặc Trưng Xã Hội

Thời Trần ổn định nội bộ, ý thức quốc gia ngày càng khẳng định. Chính quyền được xây dựng từ trung ương đến địa phương. Chữ Nôm trở nên phổ biến. Năm 1253, nhà Trần mở Quốc Tử Giám, thúc đẩy thi cử và học tập. Kinh tế phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là nông nghiệp. Quân sự được tổ chức theo chính sách "ngụ binh ư nông".

Đánh bại quân Nguyên-Mông ba lần vào các năm 1258, 1285 và 1287.



Đặc Điểm Nghệ Thuật Thời Trần





Đầu uyển ương bằng đất nung trang trí cung điện thời Trần

Thời Trần tiếp nhận toàn bộ di sản văn hóa thời Lý, đặc biệt là trong kiến trúc.

Năm 1289, nhà Trần xây dựng lại kinh đô Thăng Long sau khi bị quân Nguyên phá hủy.

Từ năm 1262, các chạm khắc trang trí của thời Trần mang phong cách riêng: đề tài thực tế và tự do như ở tháp Phổ Minh, tháp Bình Sơn và chùa Thái Lạc.

Các chùa và tháp được xây dựng với nhiều kiểu dáng khác nhau trên khắp cả nước.

Ví dụ như chùa Yên Tử, trung tâm của phái Trúc Lâm Tam Tổ, được xây dựng với hơn 20 công trình kiến trúc Phật giáo lớn.



Các hiện vật bằng đá của Ngái Sơn lăng được sưu tầm và trưng bày trong khuôn viên lăng vua Trần Hiến Tông hiện nay.

Điêu Khắc:

- Tượng Phật, tượng rồng và các tượng thờ khác được tìm thấy trong các chùa.
- Nhiều bộ sen bằng đá như bộ đá ở chùa Ngọc Đình và chùa Bối Khê.
- Đề tài điêu khắc phổ biến gồm rồng, mây, sóng nước, hoa sen và các con vật.



Hội Họa:

- Hội họa thời Trần bao gồm các tranh phong cảnh, tranh lịch sử, tranh hoa điều và nghệ thuật trang trí tiền.
- Chân dung của các nhân vật có công trong kháng chiến chống quân Nguyên cũng được vẽ.



Nghệ Thuật Thời Trần

Các Tác Phẩm Nghệ Thuật Tiêu Biểu Thời Trần

- Tháp Phổ Minh: Gồm 14 tầng, cao 21.20m, với đáy hình vuông cạnh 5.20m.
- Tháp Bình Sơn: Được làm bằng đất nung, cao 13 tầng, với đáy hình vuông. Trang trí với các hoa văn như rồng, sư tử, cánh hoa sen, cúc.



Phổ Minh pagoda, Nam Định



Bình Sơn pagoda

NGHỆ THUẬT TRIỀU ĐẠI TÂY SƠN

Triều đại Tây Sơn, là một triều đại ngắn ngủi nhưng có ảnh hưởng lớn trong lịch sử Việt Nam. Triều đại này được thành lập bởi ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ (sau này trở thành Quang Trung Hoàng đế) và Nguyễn Lữ vào cuối thế kỷ 18.



Bối cảnh lịch sử và xã hội

Người khởi xướng phong trào Tây Sơn, Nguyễn Nhạc, bắt đầu cuộc nổi dậy vào năm 1771 tại vùng Tây Sơn, thuộc tỉnh Bình Định ngày nay. Ông tự xưng là Tây Sơn Vương và nhanh chóng mở rộng lãnh thổ.

Cuộc kháng chiến chống quân Thanh thành công, triều đại Quang Trung ra đời thay thế triều Lê - Trịnh.

Nhà Tây Sơn khôi phục và ổn định kinh tế - xã hội với nhiều chính sách khuyến khích nông nghiệp, buôn bán ⇒ đời sống nhân dân bớt khó khăn, đất nước dần chuyển sang thái bình.



Thọ Xương Giang chi chiến đồ (壽昌江之戰), Tranh vẽ thời nhà Thanh mô tả quân Thanh vượt sông Thọ Xương cuối năm 1788.

Bối cảnh lịch sử và xã hội

Trong văn hóa, giáo dục Triều Tây Sơn tuy có nhiều cải cách tiến bộ, nhưng vẫn giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa và giáo dục truyền thống, đặc biệt là Nho giáo và chữ Nôm.

Ảnh hưởng của những chính sách văn hóa và giáo dục

- **Phát triển giáo dục:** Các chính sách khuyến khích học tập và thi cử dưới triều Tây Sơn đã góp phần nâng cao dân trí và đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước.
- **Bảo tồn và phát triển văn hóa:** Việc tôn trọng và phát triển chữ Nôm đã giúp bảo tồn và phát triển ngôn ngữ và văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho sự phát triển văn học và nghệ thuật.
- **Nâng cao ý thức dân tộc:** Những chính sách văn hóa và giáo dục của triều Tây Sơn đã góp phần nâng cao ý thức dân tộc, củng cố lòng yêu nước và tinh thần tự hào về văn hóa dân tộc.



Thi kinh giải âm

Bối cảnh lịch sử và xã hội

Tháng 9 năm 1792, vua Quang Trung băng hà. Tháng 6 năm 1801, Nguyễn Ánh chiếm Phú Xuân, tháng 7 năm 1802 nhà Tây Sơn sụp đổ.

Thời Tây Sơn tuy ngắn, số lượng tác phẩm không nhiều nhưng cũng đủ tạo nên phong cách thời Tây Sơn.



King Quang Trung and king Nguyen Anh

Năm 1225, nhà Lý suy vong, vua Lý Huệ Tông truyền ngôi cho con gái Lý Chiêu Hoàng (7 tuổi). Quyền lực trong triều đình nằm trong tay Trần Thủ Độ.

Ngày 11 tháng 1 năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, người sau đó lên ngôi với niên hiệu Thái Tông.

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Ngành kiến trúc

Điêu khắc và gỗ: Trong thời kỳ Tây Sơn, điêu khắc đá và gỗ đã có sự phát triển mạnh mẽ, thể hiện rõ nét những giá trị văn hóa, tôn giáo và chính trị của triều đại.

Các tác phẩm điêu khắc thường được sử dụng để trang trí các công trình cung điện, đình làng, và các đền chùa, mang tính nghệ thuật cao và giá trị văn hóa sâu sắc.

Kiến trúc: Triều Tây Sơn xây dựng nhiều công trình kiến trúc quan trọng nhằm thể hiện quyền lực và lòng tin tôn giáo. Các cung điện và đền chùa thường được xây dựng theo kiểu truyền thống nhưng có sự thay đổi và cải tiến.

Kiến trúc thời Tây Sơn thường phản ánh sự độc lập và tính chất dân tộc, thể hiện qua sự đa dạng về kiến trúc chùa chiền, dinh thự và các công trình cổ điển khác.



"Bức tranh Lễ trao sắc ấn cho sứ bộ triều Tây Sơn"

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Năm 1786, nhà Tây Sơn chọn Phú Xuân làm kinh đô, kiến trúc cung đình được chú trọng. Tuy nhiên, cho đến nay người ta vẫn chưa tìm thấy dấu vết kinh đô Phú Xuân của triều đại Tây Sơn.

Nghệ thuật kiến trúc tôn giáo ngày càng phát triển. Một số đình, chùa được xây dựng mới hoặc sửa chữa: chùa Kim Liên (Hà Nội) năm 1792; chùa Tây Phương (Thạch Thất - Hà Tây) năm 1794, chùa Vua Bà (Nghệ An) năm 1798; Đình Niềm Xá (Bắc Ninh), đình Phong Cốc (Quảng Ninh) năm 1800.



Phu Xuan ở thế kỉ 19

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Tây Phương pagoda (Sung Phuc Tu) - Thạch Thất, Hà Tây

Chùa Tây Phương được xây dựng trên núi Tây Phương, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây vào năm 1554.

Ngôi chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu. Năm 1794, chùa được xây dựng lại và tồn tại cho đến ngày nay.

Có thành lũy dẫn vào chùa gồm 273 bậc đá ong, cao khoảng 50m.



Tây Phương pagoda

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Kim Liên Pagoda(Hồ Tây – Hà Nội)

Chùa Kim Liên (chùa Đại Bi) ở Quảng An, huyện Từ Liêm, Hà Nội được xây dựng vào năm 1631. Năm 1771, chúa Trịnh Sâm cho trùng tu và từ đó chùa có tên là chùa Kim Liên. Năm 1792, chùa được xây dựng lại hoàn toàn. Chùa có hệ mái rộng đặt trên bốn cột thẳng tắp.



Kim Liên Pagoda

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Kiến trúc

Tác phẩm điêu khắc Tây Sơn chủ yếu và nổi bật là tượng, tập trung ở các chùa Tây Phương, Kim Liên, Trầm Gián, Ninh Hiệp...

Trong đó, tiêu biểu nhất là nhóm tượng ở chùa Tây Phương như: Mười tám vị La Hán, tám vị hộ pháp, tượng Thái tử Vi Đà, A Di Đà Tam Tôn, Di Lặc Tam Tôn, Tuyết Sơn Sư (Tuyết Sơn)...



Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Kiến trúc



Tượng Di Lạc thể hiện người mập mạp, ngồi tựa lưng rất thoải mái. Toàn bộ cơ thể được thể hiện bằng một khối tròn, khép kín.



Tượng Tuyết Sơn được đặt trên bàn thờ Phật chùa Tây Phương, xếp thành hình tháp kiên cố, khắc họa một người đang thiền định, vững chãi cho đến vĩnh hằng.



Tám pho tượng Kim Cương ở chùa Tây Phương được thể hiện ở dáng đứng trên mây, cao 2,20m. Bức tượng tượng trưng cho tám cá tính riêng biệt, mạnh mẽ và giàu cảm xúc.

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Kiến trúc



Bằng sự kết hợp giữa hình khối, đường nét, hướng ve áo... lớp da và lớp vải mềm mại của tượng Kim Cương được khắc họa một cách sống động và chân thực.



1. Ma ha ca diếp

2. A Nan Đà

3. Thương na hòa tu

4. Ưu bà cúc đa

Điêu khắc và kiến trúc thời Tây Sơn

Kiến trúc

Có thể nói tượng chùa Tây Phương rất sống động và chân thực. Những tác phẩm này không chỉ thể hiện vẻ đẹp cân đối về ngoại hình mà còn bộc lộ nội tâm, cá tính đa dạng, sâu sắc.



5. Đức Ca Đa Tôn già



6. Di Già Ca Tôn Già



7. Bà Tư Mị



8. Phật Đà Nam Đề



9. Phật Đà Mị Đà



10. Hiệp Tôn già (Bá Lợi Tháp Bà)



12. Mã Minh Tôn Già



13. Ca Tỳ ma La tôn già



14. Long Thụy Tôn già



16. La Hầu La Đa



17. Tăng già Nam Đề



18. Già Đa Xà Đa



Tomb of the Golden Engenderers Carl Andre, western red cedar wood. private collection. Andre was a leading Minimalist, also writing in the tradition of concrete poetry.



Broken Circle Robert Smithson, 1971, diameter 140 ft (42.7 m), green water, white and yellow sand flats, Emmen (Holland). Smithson was interested in historic man-made environments, such as burial grounds and pyramids.



Street Gilbert and George, mixed media, private collection. Gilbert and George were among the first artists to move to the East End of London, attracted by its affordability and roughness.



Self-Portrait Chuck Close, 1997, 102 × 84 in (259.1 × 213.4 cm), oil on canvas, New York: Museum of Modern Art. Close was paralyzed in 1988 but continues to work with brushes strapped to his wrists.



El S. with Child Gerhard Richter, c. 1995, oil on canvas, Hamburg: Kunsthalle. One of a series of eight paintings Richter made of his wife with their newborn child, showing his characteristic blurred Photorealist technique. The compositions revisit the religious motif of the Madonna and Child.



Wrapped Trees Christo and Jeanne Claude, 1997-98, Fondation Beyeler and Berower Park, Basel, Switzerland. For this installation, 178 trees were wrapped in 592,000 sq ft [55,000 sq m] of woven polyester fabric and ropes.

Thời kỳ Lê Trung Hưng (1593-1789)

Thời kỳ Lê Trung Hưng (1593-1789) là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam. Trong thời kỳ

này, nghệ thuật phát triển đa dạng và phong phú, phản ánh sự thịnh vượng và văn hóa phong phú của triều đại.

1. Kiến Trúc

- Đền, chùa, cung điện: Thời Lê Trung Hưng nổi bật với việc xây dựng nhiều công trình kiến trúc lớn như đền, chùa, cung điện và lăng mộ. Kiến trúc thời kỳ này thường mang phong cách đặc trưng của văn hóa Việt, với sự
- kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và sáng tạo.
- Phong cách kiến trúc: Các công trình thường có mái cong, đỉnh chóp cao, cột kèo chạm khắc tinh xảo với các
- hoa văn rồng, phượng, mây trời.



Đình Bảng

2. Hội họa

- Tranh thờ, tranh dân gian: Hội họa thời Lê Trung Hưng thường gắn liền với tôn giáo và tín ngưỡng. Các bức tranh thờ, tranh dân gian thường được vẽ với màu sắc tươi sáng, phong phú, mô tả các vị thần, các vị thánh và các câu chuyện dân gian.
- Phong cách: Tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống là những minh chứng tiêu biểu của nghệ thuật hội họa thời kỳ này, với các chủ đề về cuộc sống thường nhật, các lễ hội và các truyền thuyết dân gian.



Tranh chân dung Trịnh Đình Kiên (1715 - 1786)



Đám cưới chuột - một bức tranh Đông Hồ



Tranh Lợn đọc

3. Điêu Khắc

- Tượng Phật, tượng thần: Điêu khắc thời Lê Trung Hưng thường tập trung vào các tượng Phật, tượng thần thánh, với các tác phẩm được chạm khắc tinh xảo, chi tiết.
- Chất liệu: Các tượng thường được làm từ gỗ, đá, đồng, và được sơn son thếp vàng, thể hiện sự tôn kính và thiêng liêng.



4. Gốm Sứ

- Đồ gốm men lam: Gốm sứ thời kỳ này phát triển rực rỡ, đặc biệt là đồ gốm men lam, nổi tiếng với các hoa văn trang trí tinh xảo, thể hiện phong cách nghệ thuật độc đáo.
- Chất liệu: Các sản phẩm gốm sứ thời Lê Trung Hưng thường có chất lượng cao, được sản xuất tỉ mỉ và chăm chút.



Lư hương



Nghê

5. Văn Hóa Truyền Thống

- Đồ gốm men lam: Gốm sứ thời kỳ này phát triển rực rỡ, đặc biệt là đồ gốm men lam, nổi tiếng với các hoa văn trang trí tinh xảo, thể hiện phong cách nghệ thuật độc đáo.
- Chất liệu: Các sản phẩm gốm sứ thời Lê Trung Hưng thường có chất lượng cao, được sản xuất tỉ mỉ và chăm chút.



Nhà hát Đông Kinh

Nghệ thuật thời Lý (1009 - 1225)

Nghệ thuật thời Lý, diễn ra từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 13, là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử văn hóa Việt Nam, với những đặc điểm và đóng góp nổi bật. Dưới đây là những khía cạnh chính của nghệ thuật thời Lý, bao gồm kiến trúc, điêu khắc, hội họa và văn học.



1. Kiến trúc:

Nghệ thuật kiến trúc thời Lý được biết đến với sự phát triển và hoàn thiện của nhiều công trình tôn giáo và triều đình, đặc biệt là các chùa và cung điện.



Chùa Một Cột:

Một trong những biểu tượng nổi bật của kiến trúc thời Lý, được xây dựng vào năm 1049 dưới triều đại của vua Lý Thái Tông. Chùa có hình dáng như một bông sen, tượng trưng cho sự thanh tịnh và thanh thoát.

Chùa Thiên Mụ :

Mặc dù được xây dựng vào cuối triều đại Lý, chùa Thiên Mụ ở Huế là một trong những công trình nổi bật, thể hiện sự phát triển của kiến trúc chùa chiền với tháp bảy tầng nổi tiếng.



Cung điện và Hoàng Thành Thăng Long :

Thời Lý, Hoàng Thành Thăng Long là trung tâm chính trị và văn hóa của đất nước. Các công trình như Cung điện Hoàng Thành được xây dựng với quy mô lớn và cấu trúc vững chắc.

2. Điêu khắc :

Điêu khắc thời Lý thể hiện sự giao thoa giữa các yếu tố nghệ thuật dân tộc và ảnh hưởng của các nền văn hóa khác.



Tượng Phật và Thần Thánh:

Các tác phẩm điêu khắc thời Lý thường là các tượng Phật, Bồ Tát và các vị thần trong Phật giáo, như tượng Phật A Di Đà, Phật Thích Ca, và các tác phẩm chạm khắc trong chùa.

Điêu khắc đá :

Những tác phẩm điêu khắc đá thời Lý thường có hình dáng giản dị nhưng tinh tế, với các hoa văn chạm trổ tinh xảo và chi tiết, thể hiện sự kết hợp giữa yếu tố tâm linh và nghệ thuật.



Kỹ Thuật Điêu Khắc :

Kỹ Thuật Chạm Khắc: Điêu khắc thời Lý thường sử dụng kỹ thuật chạm khắc chi tiết với nhiều lớp họa tiết trang trí, từ các hoa văn tinh xảo đến các hình tượng tôn giáo.

3. Hội họa :

Mặc dù hội họa không phải là lĩnh vực nổi bật nhất của nghệ thuật thời Lý, nhưng có những dấu vết của sự phát triển trong việc trang trí các công trình tôn giáo.



Họa phẩm trên tường:

Một số ngôi chùa, như Chùa Một Cột và các chùa khác, có thể đã từng có những họa phẩm trang trí, mặc dù nhiều tác phẩm này không còn tồn tại đến ngày nay.

Tranh cổ :

Những bức tranh trong các tài liệu lịch sử có thể bao gồm các đề tài tôn giáo và cuộc sống hàng ngày, phản ánh sự phát triển của nghệ thuật hội họa trong thời kỳ này.



4. Văn học :



Thơ văn Lý :

Thời kỳ này chứng kiến sự phát triển của thơ ca và văn học, với những tác phẩm nổi bật như thơ của các vua Lý, đặc biệt là thơ Lý Thánh Tông và các bài thơ tôn vinh Phật giáo và đạo đức.

5. Nhạc và Múa :

Mặc dù thông tin về nhạc và múa thời Lý không nhiều, nhưng có thể thấy một số ảnh hưởng từ các nghi lễ tôn giáo và cung đình.



Âm nhạc và múa tôn giáo:

Các nghi lễ tôn giáo tại các chùa và cung đình có thể bao gồm nhạc và múa, phục vụ các nghi thức cúng dường và lễ hội.

Hát bội :

Mặc dù hát bội nổi bật hơn trong các thời kỳ sau, nhưng các hình thức biểu diễn nghệ thuật truyền thống có thể đã có sự hình thành và phát triển từ thời Lý.



Nghệ thuật thời Lý (1009-1225) đóng góp quan trọng vào di sản văn hóa Việt Nam với những thành tựu nổi bật trong kiến trúc, điêu khắc, hội họa, và văn học. Những công trình kiến trúc và tác phẩm nghệ thuật từ thời kỳ này không chỉ phản ánh tôn giáo và triết lý của thời đại mà còn đặt nền móng cho các giai đoạn phát triển văn hóa sau này.



Nghệ thuật thời Nguyễn (1802 - 1885)

Bối cảnh lịch sử và xã hội

Nguyễn Ánh là một trong những hậu duệ của chúa Nguyễn ở miền Trung Việt Nam. Sau khi đánh bại nhà Tây Sơn vào năm 1802, ông đã lập ra nhà Nguyễn và chọn Huế làm kinh đô. Đền thờ của ông là Gia Long, và đóng đô tại Phú Xuân.

Năm 1804, quốc hiệu Đại Việt được đổi thành Việt Nam. Đến thời Minh Mạng, quốc hiệu của nước ta được đổi thành Đại Nam vào năm 1838.



Đặc điểm của nghệ thuật :

Kiến trúc đô thị và hệ thống giao thông phát triển.

Triều đình có nhiều chính sách đối nội chặt chẽ, nhà dân không làm theo kiểu “Cổng”, “Môn”.

Nhà dân không trang trí theo chủ đề Tứ Linh, Tứ Quý, v.v.

Làng ít xây dựng các công trình lớn.



Nghệ thuật thể hiện ít chủ đề trang trí truyền thống hơn, thay vào đó là Bát Bửu, Bát Tiên, Bát Thủ, Bát Quả...

Cuối triều Nguyễn, văn hóa dân gian trong nghệ thuật tạo hình được nâng cao về chủ đề tôn giáo và đặc biệt là văn hóa làng xã.

1. Kiến trúc:

a. Kiến trúc hoàng gia:



Kinh thành Huế :

Từ tháng 5 năm 1803, vua Gia Long đã quyết định địa điểm xây dựng kinh thành Huế.

Ngày 9 tháng 5 năm 1804, nhà Nguyễn bắt đầu xây dựng Tử Cấm Thành cho đến ngày 28 tháng 5 năm 1805, tường thành mới được xây xong.

Kinh thành Huế có vị trí đặc địa.



Điện Thái Hòa :

Cung điện chính của triều đại Nguyễn với kiến trúc hoành tráng và nội thất quý phái.



Điện Chương Dục



Điện Hòa Bình

b. Kiến trúc tôn giáo:



Văn miếu Quốc Tử Giám :

Triều Nguyễn coi trọng Nho giáo nên Quốc Tử Giám được xây dựng tại kinh thành Huế vào năm 1803; Văn Miếu cấp tỉnh được xây dựng tại các địa phương. Ở miền Bắc, Văn Miếu cũng được sửa chữa và xây dựng thêm một số công trình như Khuê Văn Các...



Chùa Vĩnh Nghiêm :

Nhiều ngôi chùa được trùng tu, mở rộng dưới thời nhà Nguyễn như chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang), chùa Láng (Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình), chùa Dâu, chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Mía (Hà Tây)...

Chùa Thiên Mụ :

Năm 1844, vua Thiệu Trị cho xây dựng tháp Phước Duyên tại chùa Thiên Mụ.

Một số chính quyền địa phương đã tự bỏ tiền xây dựng chùa trong làng.



Mẫu Hòn Chén :

Tín ngưỡng thờ Mẫu trong dân gian thời kỳ này tiếp tục phát triển, các đền chùa vẫn được tôn tạo, xây dựng như Phủ Giầy (Nam Định), Điện Hòn Chén (Huế), Quán Thánh (Hà Nội), Đền Cồn (Nghệ An)...

c. Kiến trúc Lăng mộ :



Mộ Gia Long :

Triều Nguyễn có 7 lăng tẩm chính: Lăng Gia Long, Lăng Minh Mạng, Lăng Thiệu Trị, Lăng Tự Đức, Lăng Dục Đức (còn có 2 lăng vua Thành Thái và Duy Tân), Lăng Đồng Khánh và Lăng Khải Định

Mộ Thiệu Trị :

Lăng Thiệu Trị không chỉ là nơi an nghỉ của vua mà còn là biểu tượng của văn hóa và lịch sử triều Nguyễn. Đây là một phần của di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận, là nơi thể hiện sự kết hợp giữa kiến trúc hoàng gia và quan niệm phong thủy truyền thống của người Việt.



2. Điêu khắc :

a. Tượng và chạm khắc:



Tượng Các Vị Thần Thánh và Các Vị Vua::

Các tác phẩm điêu khắc thời Nguyễn thường được làm từ đá, gỗ hoặc đồng với các hình tượng của các vị thần thánh, vua chúa và các nhân vật lịch sử.



Chạm Khắc Trên Đá và Gỗ :

Các chạm khắc thường xuất hiện trên các công trình kiến trúc như lăng tẩm và chùa.

b. Nghệ thuật hội họa: Tranh vẽ và chân dung:

Tranh Chân Dung Vua Chúa :

Các bức tranh vẽ chân dung vua chúa Nguyễn, được thực hiện với kỹ thuật sơn dầu và màu nước.



Chân dung Vua Minh Mạng

Chân dung Vua Gia Long

c. Nghệ thuật trang trí và nghệ thuật thủ công :

Đồ gốm sứ:

Gốm Sứ Huế :

Được biết đến với chất lượng cao và các thiết kế tinh xảo, kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và kỹ thuật chế tác phương Tây.



Sứ Lăng Khải Định

Thảm và Dệt May:



Thảm Dệt Tay :

Các thảm dệt tay với hoa văn truyền thống và thiết kế cầu kỳ, thường được sử dụng trong các cung điện và lăng tẩm.

Dệt Lụa Huế :

Sản phẩm dệt lụa của Huế nổi tiếng với chất lượng cao và các thiết kế truyền thống.



明命



EMPEROR MINH MẠNG
(1791-1841)

T. D. 2012

Nghệ thuật trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp từ 1945 đến 1954

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ngày 2/9/1945.

Thực dân Pháp với sự giúp đỡ của quân Anh, đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, chúng đã kích động miền Nam mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu. Cuộc chiến kéo dài 9 năm, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954.

Tình hình xã hội và tình hình chung của nghệ thuật trong chiến tranh Việt Nam

Ngày 19/12/1946, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc nổi dậy chống Pháp, hầu hết các họa sĩ đều ra chiến khu hoạt động nghệ thuật, vẽ tranh, tuyên truyền về chiến tranh của địch, tổ chức triển lãm...



Một số triển lãm:

- Triển lãm văn hóa cuối năm 1945 tại nhà giải trí Tiến Đức (AFIMA).
- Triển lãm áp phích quảng bá Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1946 tại Nhà hát Lớn Hà Nội
- Triển lãm mỹ thuật tháng 8 năm 1946 tại Nhà hát lớn Hà Nội được coi là triển lãm mỹ thuật quốc gia đầu tiên



Bác Hồ đến xem Triển lãm Văn hóa, tháng 9 năm 1945, tại Nhà Khai trí Tiến Đức



Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1946 tại Nhà hát Lớn Hà Nội

Tình hình xã hội và tình hình chung của nghệ thuật trong chiến tranh Việt Nam

Some typical works: "Bác Hồ làm việc ở Bắc bộ phủ" (woodcut) by To Ngọc Van, Do Cung and Nguyen Thi Kim painted and sculpted portraits of Uncle Ho.



Trưởng Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương

Tình hình xã⁵hội và tình hình chung của nghệ thuật trong chiến tranh Việt Nam

Nhiều xưởng vẽ được thành lập, nhiều lớp vẽ được mở để đào tạo nhanh các họa sĩ phục vụ trong kháng chiến cách mạng.

Ngày 1/7/1951, trường tổ chức triển lãm với hơn 50 bức ký họa, tuyên truyền phục vụ nhân dân Lào Cai, chào mừng ngày “giải phóng Lào Cai”.



Tại Việt Bắc, Hội Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam được thành lập ngày 3/10/1947. Từ ngày 16 đến 20/7/1948, Đại hội Văn hóa Việt Nam lần thứ 2 và Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc lần thứ 2 đã được tổ chức, trưng bày gần 100 tác phẩm lụa, chạm khắc gỗ, chì. tranh với chủ đề chính là: “Nhân dân đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước”. .



Nghệ thuật trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Ngày 10/12/1951, Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc lần thứ 3 khai mạc tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang, trưng bày hơn 300 tác phẩm nghệ thuật



Năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ thành công.

Ngày 5/10/1954, Hội Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tổ chức triển lãm với hơn 150 tác phẩm. Sau khi nằm quyền thủ đô, Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc được tổ chức tại Nhà hát lớn Hà Nội với sự tham gia của 151 tác giả với 548 tác phẩm.

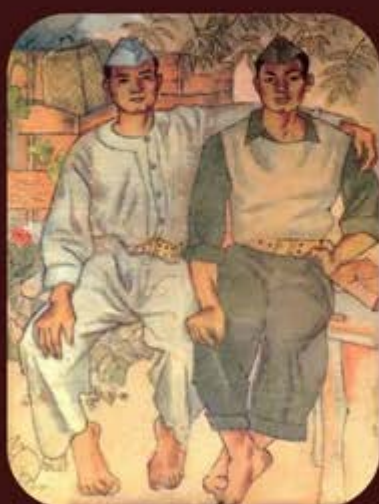
Sự phát triển của ngành in ấn và hội họa **trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam**

Trong thời kỳ Việt Nam chống Pháp, thiết kế đồ họa là lĩnh vực nghệ thuật phát triển mạnh mẽ nhất.

Các loại hình in ấn như áp phích, minh họa cho sách chiến tranh. Nhiều nghệ sĩ đã vẽ áp phích, truyền đơn của kẻ thù để kêu gọi ủng hộ cuộc chiến tranh Việt Nam và hạ thấp uy tín của kẻ thù.



Tranh ký họa thời kỳ này được xếp vào nhóm đặc biệt, trở thành chất liệu chính trong điều kiện khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống Pháp.



Tô Ngọc Vân, Hai chiến sĩ
(watercolor - 1949)



Thiếu nữ bên hoa huệ, Tô Ngọc Vân

Sự phát triển của ngành in ấn và hội họa **trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam**



Tô Ngọc Vân, *Đốt đuốc đi học*



Trần Văn Cẩn, *"Con đọc bầm nghe"*



Bức "Bình phong" của danh họa Nguyễn Gia Trí, có kích thước 128 x 37 x 44 cm, được ghép lại từ tám tấm ván. Mặt trước là tranh "Thiếu nữ trong vườn", khắc họa vẻ đẹp đầm thắm của các cô gái đang độ xuân thì trong tà áo dài. PGS.TS Bùi Thị Thanh Mai nhận xét tác phẩm toát lên vẻ "cao sang và trang nhã", thể hiện khả năng dùng sơn mài và các nguyên liệu như vỏ trứng, bạc, vàng... của danh họa.

Sự phát triển của ngành in ấn và hội họa **trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam**



Works of art by Phan Ke An the artist

Sự phát triển của ngành in ấn và hội họa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

Mỹ thuật trong chiến tranh Việt Nam (1945 - 1954) là sự khởi đầu của nghệ thuật hiện thực cách mạng, đồng thời là sự khởi đầu của một xu hướng nghệ thuật chính thống, đó là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Thành tựu nổi bật của nghệ thuật là những bức tranh ký họa ghi lại chiến tranh Việt Nam, sau này được các họa sĩ chuyển thể thành tác phẩm hoàn chỉnh có giá trị nghệ thuật cao trong những năm 1954 - 1964.

Sự phát triển của ngành in ấn và hội họa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

Số lượng tranh không nhiều nhưng giá trị lại rất lớn, những bức tranh được tạo ra trong chiến hào.

Ngày 16/3/1954, họa sĩ Mai Văn Hiến vẽ một bức tranh lớn (4 × 5m) kêu gọi giặc ở Bản Keo đầu hàng, trở về với gia đình.

Ngoài ra, còn có một số tranh sơn mài, tranh sơn dầu, tranh bột màu, tranh lụa... cũng được sáng tác trong thời kỳ này.



Mai Văn Hiến 1923, "Gặp gỡ", colored powder, 57 × 93 cm, 1954



Tô Ngọc Vân, "Nghỉ chân bên đường".



Nguyễn Hiêm (1917-1976), "Trận Tâm Vu", colored powder, 64×95xm, 1948

Sự phát triển của ngành in ấn và hội họa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp



Nguyễn Sĩ Ngọc (1919-1990)
"Tình quân dân ", lacquer, 60 × 80 cm, 1951



Diệp Minh Châu, "Bác Hồ và ba em thiếu nhi
Trung - Nam - Bắc", (Silk painting painted with
blood - 1947).



Nguyễn Sáng , "Giặc đốt làng tôi", oil
painting, 1954).

NGHỆ THUẬT VIỆT NAM TỪ 1885 ĐẾN 1945

Nghệ thuật Việt Nam từ năm 1885 đến 1945 trải qua một giai đoạn đầy biến động và phát triển dưới sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố lịch sử, xã hội và văn hóa.

ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI VÀ SỰ THÀNH LẬP CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG

Sau Hiệp ước bảo hộ năm 1884, thực dân Pháp hoàn thành việc xâm lược Việt Nam. Từ cuối thế kỷ 19, văn hóa tâm linh phương Tây cũng dần can thiệp vào văn hóa Việt Nam.



ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI VÀ SỰ THÀNH LẬP CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG

Nghệ thuật Việt Nam từ năm 1885 đến 1945 trải qua một giai đoạn đầy biến động và phát triển dưới sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố lịch sử, xã hội và văn hóa.

Sau Hiệp ước bảo hộ năm 1884, thực dân Pháp hoàn thành việc xâm lược Việt Nam. Từ cuối thế kỷ 19, văn hóa tâm linh phương Tây cũng dần can thiệp vào văn hóa Việt Nam.

Tình hình xã hội Việt Nam từ 1885 đến 1945

Chữ Việt bắt đầu được giảng dạy trong trường học, sau đó xuất hiện trong sách và báo chí, làm thơ, chỉnh sửa, nghiên cứu... hệ tư tưởng phương Tây, văn hóa, khoa học và công nghệ cũng can thiệp với văn hóa Việt Nam.



ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI VÀ SỰ THÀNH LẬP CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG

Thành lập trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương

Victor Tardieu (1870-1937) là họa sĩ người Pháp, nổi tiếng với tranh phong cảnh, chân dung và tranh tường. Ông đồng sáng lập Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội năm 1925, góp phần quan trọng vào sự phát triển của nghệ thuật hiện đại Việt Nam.



Ngày 11/11/1925, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khai giảng khóa đầu tiên với 10 sinh viên chính quy. Trường dạy các môn nghệ thuật như hội họa, điêu khắc và kiến trúc theo phong cách Pháp cho một số học sinh được tuyển chọn từ khắp Đông Dương thuộc Pháp.



Thành lập trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương

Trường Cao đẳng Mỹ Thuật Đông Dương này đã trở thành cái nôi đào tạo nhiều nghệ sĩ nổi tiếng của Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc phát triển nghệ thuật hiện đại ở Việt Nam bằng cách kết hợp các kỹ thuật nghệ thuật phương Tây với nghệ thuật truyền thống Việt Nam.



Trường dạy các môn học như hội họa, điêu khắc, kiến trúc, và trang trí, kết hợp giữa phương pháp giáo dục nghệ thuật của Pháp với nghệ thuật và văn hóa bản địa. Đưa vào những kỹ thuật và phong cách nghệ thuật phương Tây trong khi vẫn giữ được các yếu tố truyền thống.

NGHỆ THUẬT VIỆT NAM TỪ 1975 đến nay

Ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Việt Nam bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ độc lập

GIAI ĐOẠN 1975-1985

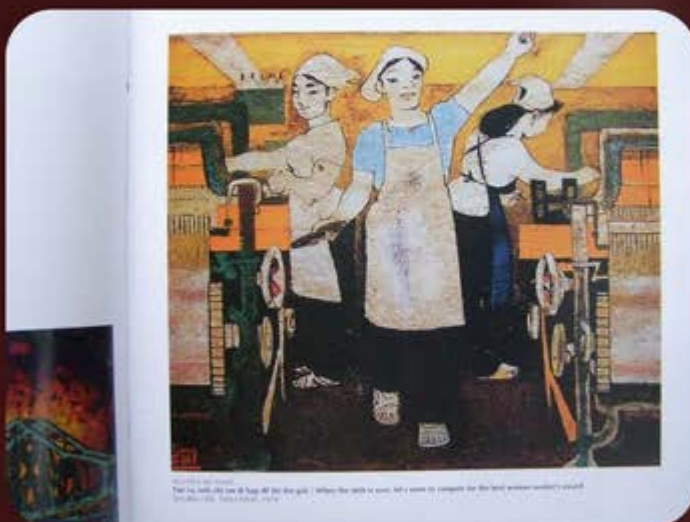
Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1976 quy tụ các tài năng hội họa từ khắp mọi miền đất nước. Các tác phẩm tham gia triển lãm rất đa dạng với nội dung, chủ đề về cuộc sống hoà bình, lao động sản xuất và xây dựng đất nước



Quách Phong
"Nâng thắng năm" 1975

GIAI ĐOẠN 1975-1985

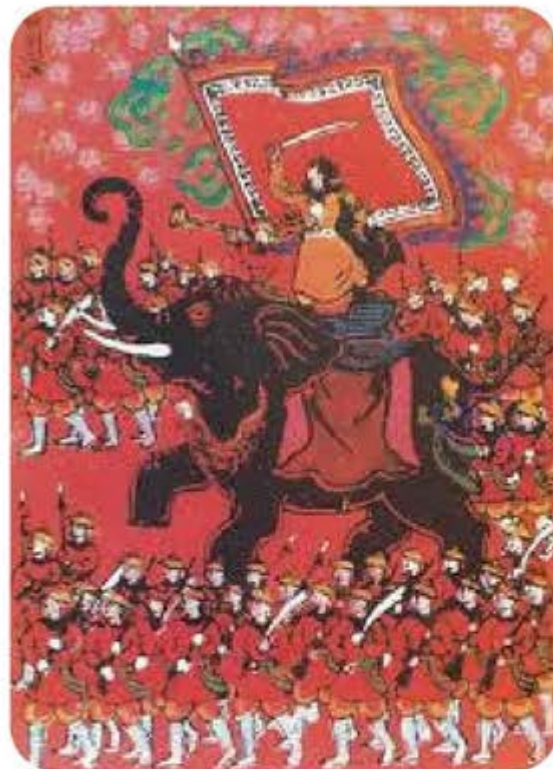
Sau cách mạng, các thế hệ nghệ sĩ trẻ đang dần khẳng định mình trước sự thay đổi của các chủ đề nghệ thuật. Trong tranh của họ, những bức tượng xuất hiện với chủ đề và nội dung trừu tượng, những triết lý về quy luật của cuộc sống



Nguyễn Đỗ Cung (1912-1977)
"Tan ca mời chị em đi họp để thi thợ giỏi"

GIAI ĐOẠN 1985-HIỆN NAY

Điêu khắc hiện đại phát triển mạnh. Trong triển lãm nghệ thuật toàn quốc năm 2000 có 55 tác phẩm bằng đồng, 4 tác phẩm thạch cao, 44 tác phẩm gỗ. Các vật liệu khác là đá, composite, đất nung, than đá, gali, sắt, nhôm, dây imax, xi măng, samosa, đồ sành sứ, bê tông, gốm sứ, đá cuội, thủy tinh, thép và vật liệu tổng hợp, nhựa, v.v.



SỰ PHÁT TRIỂN MỸ THUẬT VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC TỪ 1885 ĐẾN 1945

Ngoài Lê Văn Miến học sơn dầu ở Pháp, Huỳnh Đình Tư theo học trường trang trí ở Pháp, nhiều người theo học các trường mỹ thuật do Pháp mở và một số tự học như Phan Văn Tánh, Lương Quang Duyệt, Nam Sơn, Thăng Trần Phênh, Nguyễn Đức Thục....



Lê Văn Miến, "Chân dung cụ tú Miến"



Lê Huy Miến (1873-1943), "Bình văn", sơn dầu

Năm 1891, Lê Văn Miến (1870-1943) được nhà Nguyễn chọn đi học tại Trường Thuộc địa ở Pháp, sau đó theo học tại Trường Mỹ thuật Paris cho đến cuối thế kỷ 19 rồi trở về nước.

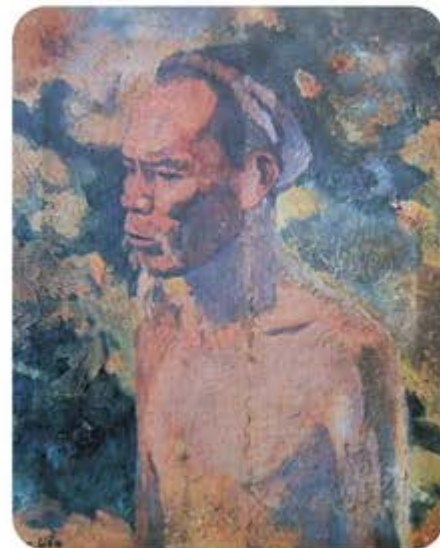
Thang Trần Phênh (1895-1973) được đào tạo tự học về sơn dầu. Anh vẽ những cảnh lịch sử, những cảnh đời thường, những bối cảnh sân khấu.



Thang Trần Phênh (Trần Phênh), "Phạm Ngũ Lão"



"Thôn nữ", chì sáp



"Chân dung lão nông"

Mỹ Thuật Việt Nam 1954 - 1975

Tháng 12 năm 1954, họa sĩ Lê Văn Đệ thành lập Trường Cao đẳng Mỹ thuật Quốc gia Sài Gòn cùng với hai nghệ sĩ Bùi Văn Kinh và Dương Văn Đen.

Năm 1967, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế được thành lập. Chương trình đào tạo của hai trường này về cơ bản giống với chương trình của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương.



Trường Vẽ Gia Định nhìn từ công viên Nguyễn Văn Học (ảnh chụp đầu thập niên 1950)

Một số nghệ sĩ nổi tiếng như Nguyễn Trung Nguyên Phước, Cổ Tấn Long Châu; Nguyễn Trung Tín; Nguyễn Tấn Cường, Hồ Thanh Đức, Đỗ Kỳ Hoàng



Cổ Tấn Long Châu (1938), "Được lệnh, xuất kích"



Cổ Tấn Long Châu (1938), "Đánh đến cùng"



Huỳnh Phương Đông (1927), "Trận Ấp Bắc"



Lê Lam (1931), "Dừng lại"

Nghệ thuật dân gian Việt Nam

Nghệ thuật dân gian có truyền thống lâu đời. Nghệ thuật dân gian bao gồm nhiều loại hình, trong đó có hai thể loại chính: tranh Tết và tranh thờ.

Loại Tranh Dân Gian

Tranh Tết được sáng tác phục vụ nhu cầu trang trí Tết.

Tranh thờ Dân tộc ta có truyền thống thờ cúng tổ tiên, thờ mẫu, thờ thần... Vì vậy tranh dân gian ra đời nhằm mục đích tôn giáo, tín ngưỡng.

Cùng với tranh Tết còn có tranh thờ cúng của người Kinh và các dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam được sản xuất và tiêu thụ hàng năm.



Miền Nam: Một số vùng đã sản xuất tranh thờ cúng

Miền bắc Tranh Đông Hồ (Bắc Ninh)
Tranh Đông Hồ (Hà Nội)
Tranh Kim Hoàng (Hà Tây)

Miền trung Tranh Nam Hoàn (Hà Tĩnh)
Làng tranh dân gian Sinh (Huế)





Tranh dân gian Đông Hồ
(Bắc Ninh)



Tranh dân gian Hàng
Trống (Hà Nội)



Tranh dân gian Kim Hoàng
(Hà Tây)



Tranh dân gian Làng Sinh
(Huế)

Tiêu chí phân loại tranh dựa vào hình ảnh thể hiện:

Tranh cầu phúc
Tranh thờ cúng
Tranh lịch sử

Tranh minh họa
và tranh Nhị Bình, Tư Bình)...



Tranh Nhị Bình



Tranh Ngũ Hổ



Tranh Tứ Bình khá ấn tượng và phong phú với: Bốn mùa (Xuân, Hạ, Thu, Đông); ngư (đánh cá, bắt cua...), tiều (kiếm củi, đốt than...), canh (làm ruộng, trồng trọt...) và mục (chăn trâu, nuôi gia súc...). hay Tổ nữ (Bốn cô gái xinh đẹp thổi sáo, cô cầm sênh tiền, múa quạt và cô gảy đàn nguyệt).



Tứ quý (Xuân, Hạ, Thu, Đông)



Tranh Nhị Bình rất phong phú với chủ đề cá chép ngậm trăng hay chim công nháy múa tượng trưng cho sự thành công, bền vững và thịnh vượng, bình yên và hạnh phúc.

Tranh Nhị Bình

Tranh cầu phúc dùng để trang trí nhà cửa trong ngày lễ Tết nên có thể gọi là tranh Tết với thông điệp về những lời chúc, mong muốn.

Những bức tranh lấy cảm hứng từ dòng chữ: Phúc - Lộc - Thọ - Tâm - Nhân - Đức... Còn lại là Đại cát - Nghinh xuân - Vinh hoa - Phú quý; Đàn gà, Đàn lợn, , Tử tôn vạn đại, ...



Tử tôn vạn đại tranh tranh Hàng Trống



Nhân Nghĩa



Lễ Trí



Phú Quý



Vinh Hoa



Three Legend Gods
(Tam đa (Phú - Lộc -
Thọ) (0.58 × 155 cm)
- Hàng Trống folk
painting



Tứ phủ công đồng



Bức tranh "Tam Tòa Thánh Mẫu" nổi tiếng của làng tranh Hàng Trống - The famous "Tam Tòa Thánh Mẫu" Hang Trong folk painting



Tranh vẽ 5 con hổ được thờ trong các đền thờ. Ngũ hổ là 5 màu trắng, đen, đỏ, vàng tượng trưng cho 5 vị thần của 5 phương Bắc - Nam, Đông - Tây và trung tâm.

Tranh lịch sử thể hiện hình ảnh các vị anh hùng Việt Nam, các trận đánh, sự kiện lịch sử hào hùng của các tướng Ngô Quyền, Quang Trung, Hai Bà Trưng, Bà Triệu...



Ngô Vương Quyền đánh giặc Hán



Đống Thiên Vương đại phá giặc Ân

Tranh minh họa dân gian minh họa nội dung truyện dân gian nên các họa sĩ thường lựa chọn những cảnh, chi tiết tiêu biểu để truyền tải cốt truyện đến người xem.

Bố cục hình chữ nhật dọc, mỗi bức vẽ một cảnh diễn ra trong nhà và ngoài trời. Bố cục này được thống nhất xuyên suốt từng bức ảnh trong bộ ảnh

Tranh tứ bình vẽ tích TRUYỀN KIỀU



Tranh phản ánh hoạt động phản ánh trồng trọt, sản xuất... là những bức tranh về ước mơ và tình yêu hay những trò chơi, lễ hội dân gian truyền thống Việt Nam như "Keo co", "Du Doi", "Bịt mắt bắt dê", "Rước trống", "Dấu vật", "Múa Rồng", "Múa Lân"

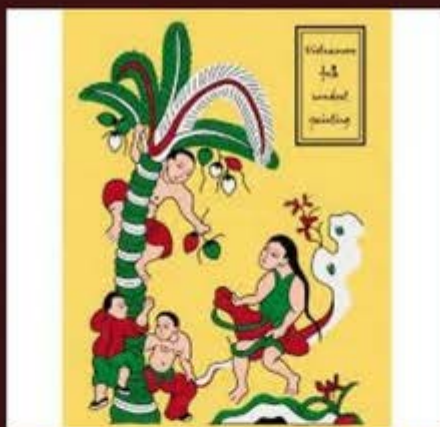
Múa rồng, Đông Hồ

Nghệ thuật dân gian Việt Nam

GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA TRANH DÂN DÂN VIỆT NAM

- Không mô tả chiều sâu không gian.
- Tất cả các hình ảnh được in và sơn trên một bề mặt một màu.
- Không gian âm được tạo bởi các lớp.
- Cảnh vật thể hiện những nét truyền thống như bức tranh "Đánh ghen" hay bức tranh "Đấu vật" (Đồng Hồ)...

Đấu vật



Hái dừa



Đàn lợn

Bố cục

- Bố cục tam giác: Hứng dừa, Đấu vật
- Bố cục hình chữ nhật: "Đàn gà", "Đàn lợn", "Đám cưới chuột"...
- Bố cục hình tròn: "Đánh ghen"
- Bố cục hình bầu dục: "Vinh hoa", "Phú quý", "Bé cóc"...
- Bố cục từng lớp "Rước trống", "Múa sư tử", "Chuột rước đèn"...
- Bố cục tự do



Đánh ghen



Vinh hoa

Màu sắc: Các mảng màu được vẽ theo nhịp điệu khác nhau với ba hoặc bốn màu chủ đạo tạo nên sự chuyển động, đẹp mắt, đa dạng, sinh động; đậm nhưng sáng và khắc họa chính xác đối tượng được chiếu.



Chợ quê



- Chú trọng thể hiện tinh thần nhân vật.
- Không thể hiện đúng tỷ lệ, giải phẫu nhưng sống động về hình dáng, tâm trạng, tính cách nhân vật...
- Thể hiện vẻ đẹp của thành thị và nông thôn Vẻ đẹp mộc mạc của vùng cao.
- Có giá trị nghệ thuật và nội dung văn học dân gian, thể hiện tâm hồn dân tộc, có sức hấp dẫn và giá trị giáo dục cao.

Tranh Kim Hoàng tranh khắc gỗ Việt Nam

Tranh khắc gỗ

Nguồn gốc :làng Kim Hoàng, Hoài Đức, Hà Nội.

Thời gian :phổ biến vào đầu thế kỷ 19.

Đặc điểm tinh xảo và chi tiết hơn tranh làng Đông Hồ, in trên các tờ giấy nhuộm màu đỏ(giấy hồng điều và giấy đỏ.) hoặc vàng (màu vàng là giấy vàng tàu (giấy màu vàng của Trung Quốc).



Các loại tranh:thờ cúng, tranh cầu nguyện và các loại khác.

Đề tài :tương tự như tranh Đông Hồ, đó là sự giản dị, mộc mạc, gắn liền với đời sống nông nghiệp.



Màu sắc của tranh được lấy từ mực tàu đen và các chất liệu tự nhiên khác như thạch cao trắng, đỏ son, dành dành màu vàng.

Sử dụng mộc bản để tạo các đường viền màu đen rồi vẽ và tô màu các chi tiết bằng tay. (giống tranh Hàng Trống)

Điểm khác biệt của tranh Kim Hoàng là những dòng thơ viết bằng chữ caoshu (草書) ở góc trái tranh, nội dung những dòng đó cùng với hình ảnh minh họa giúp nhấn mạnh ý nghĩa của tranh.

Tranh Sinh



Tranh làng Sình được in từ tranh khắc gỗ, chủ yếu dùng để thờ cúng, sau đó đốt đi.

Nguồn gốc :Phú Mậu, huyện Phú Vang, Thừa Thiên – Huế, bên bờ sông Hương,
Thời gian :cách đây hơn 400 năm.



Tranh thờ: thường vẽ người phụ nữ mặc sôđôm với hai người hầu đứng hai bên hoặc thần bếp trong bộ trang phục sắc sỡ.



Vẽ các con vật như voi hoặc 12 con vật truyền thuyết để đốt cho người cõi âm.



Engraving plate for Props painting-
Ván khắc tranh đồ vật

Vẽ các đồ vật như quần áo, tiền bạc, đồ dùng cho cõi âm như quần áo, tiền bạc...



Tranh dân gian làng Sinh chỉ sử dụng mộc bản để tạo những đường viền màu đen rồi vẽ và tô màu các chi tiết bằng tay.

Các màu thường dùng trong tranh là:

- + Màu đỏ (từ chiết xuất lá hạnh nhân Ấn Độ);
- + Màu đen (từ tro rơm, tro lá);
- + Màu tím (từ hạt rau mồng tơi);
- + Màu Vàng (từ hoa với lá cây hòe)



The "Bát âm" series was created to honor the beauty of Hue royal music.



Tranh sinh nhật tập trung vào các màu xanh, vàng, đen, đỏ và xanh lá cây. Mỗi màu này có thể được trộn với chất kết dính hoặc để nguyên. Khi chia từng màu vào tô phải trộn bằng loại keo chuyên dụng.



Giấy vẽ tranh là giấy Diệp.
Những chiếc bàn chải được
làm từ thân cây dừa dại.



Tranh võ thuật



Tranh Kéo co - Traditional
Vietnamese teambuilding

Tranh dân gian Đông Hồ

Tranh dân gian Đông Hồ là một loại tranh thủ công truyền thống của Việt Nam, được vẽ trên giấy dó bằng màu nước và mực đen. Được xuất xứ từ làng Đông Hồ, Bắc Ninh từ thế kỷ 17, tranh Đông Hồ thường mang những hình ảnh đời sống quê hương như làng quê, phong tục tập quán dân gian, đồ vật và cây cối. Đặc trưng của tranh là sử dụng màu sắc đơn giản như đỏ, xanh lá cây, vàng, đen để tạo nên các họa tiết đậm chất dân gian, thể hiện tinh thần và văn hóa sâu sắc của người Việt Nam.



Một số làng nghệ thuật dân gian Việt Nam

- Tranh dân gian Đông Hồ có nguồn gốc từ làng Đông Hồ, thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Đây là một làng nghề truyền thống đã tồn tại từ thế kỷ 17 và nổi tiếng với nghề vẽ tranh truyền thống. Các họa tiết của tranh thường phản ánh cuộc sống văn hóa của người dân nông thôn Việt Nam như làng quê, phong tục tập quán, và đời sống hàng ngày.
- Có một loại hình là tranh được khắc lên gỗ dùng để trưng bày.



Nguyên vật liệu

- Giấy dó: Đây là loại giấy truyền thống được làm từ cây dó. Quá trình sản xuất giấy dó gồm nấu vỏ cây dâu, xay nhuyễn, ép thành tấm giấy mỏng. Giấy dó có đặc tính thấm nước tốt và bề mặt trơn, thích hợp cho việc vẽ tranh bằng màu nước.



Vỏ cây dó



- Giấy điệp: Để làm đẹp hơn, người ta còn quét bột điệp lên trên giấy nhằm tạo ra vẻ óng ánh cho nền tranh. Giấy Dó quét điệp sẽ cứng cáp hơn, lại có được cái vẻ lóng lánh.



Màu sắc

Màu sắc của tranh Đông Hồ được làm từ các nguyên liệu tự nhiên từ thực vật:

- Màu trắng kim tuyến được tạo ra từ vỏ sò
- Màu vàng: từ hoa hoặc hạt cây dành dành
- Màu nâu đỏ: từ gỗ dác
- Màu đỏ nguyên chất: từ bột son, nghiền mịn.
- Màu xanh chàm: từ lá cây chàm
- Màu đen: từ than lá tre cháy
- Màu đỏ: từ đất đồi núi.



Bản khắc gỗ

- Bản khắc gỗ dùng để phác họa lại tranh Đông Hồ và dùng để in ấn lại, mỗi một bản khắc sẽ sử dụng một màu.
- Bản khắc gỗ dùng để in: được làm từ gỗ bèn, chắc, dẻo và nhẵn như gỗ đô thị, gỗ mỡ, gỗ lồng mực (gỗ đô thị, gỗ mỡ, gỗ lồng mực).



Quá trình in

- Bản khắc gỗ dùng để phác họa lại tranh Đông Hồ và dùng để in ấn lại, mỗi một bản khắc sẽ sử dụng một màu.
- Bản khắc gỗ dùng để in: được làm từ gỗ bèn, chắc, dẻo và nhẵn như gỗ đô thị, gỗ mỡ, gỗ lồng mực (gỗ đô thị, gỗ mỡ, gỗ lồng mực).



Dùng cọ và mực tàu vẽ trên giấy mỏng để khi dán lên gỗ, nét vẽ sẽ thấm vào giấy, giúp người thợ có thể khắc hình ảnh lên gỗ.



Có những bức tranh Đông Hồ, nghệ nhân phải dùng nhiều bản khắc để in từng chi tiết riêng biệt.



Các nghệ nhân làng Đông Hồ cần tới các bản khắc gỗ để phối các lớp màu khác nhau, tùy vào bức tranh.



Sau khi đập in những nét cơ bản, nghệ nhân làng tranh Đông Hồ tiếp tục vẽ tay để hoàn thiện bức tranh.

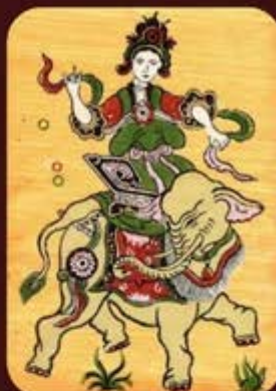
Chủ đề

Tranh Đông Hồ thường thể hiện các chủ đề phản ánh cuộc sống văn hóa của người dân Việt Nam, đặc biệt là cuộc sống nông thôn và những giá trị truyền thống.

Tranh thờ cúng, Tranh cầu mong, Tranh lịch sử, Tranh minh họa, Tranh phương ngữ, Tranh phong cảnh, Tranh về các hoạt động đời thường



Ông Táo



Bà Triệu



Hái dừa



Đánh ghen



Vinh hoa

Bố cục

Bố cục mang tính ước lệ.

Các hình ảnh không được vẽ theo Phối cảnh mà có xu hướng nằm phẳng trên bề mặt bức tranh.



Nghệ nhân tranh Đông Hồ

Nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế

Nghệ nhân tranh Đông Hồ nổi tiếng với các bức tranh sắc nét, tươi sáng và sử dụng màu sắc một cách tinh tế. Ông đã đóng góp không nhỏ vào việc duy trì và phát triển nghệ thuật tranh Đông Hồ.



Nghệ nhân Nguyễn Hữu Sam

Người được xem như "báu vật sống" của làng tranh Đông Hồ, có công lớn trong việc phát triển và bảo tồn nghệ thuật này. Ông đã tạo ra nhiều bức tranh nổi tiếng với những hình ảnh đặc trưng của làng quê và đời sống dân làng.

Tranh dân gian Hàng Trống

Tranh dân gian Hàng Trống là một trong những loại hình tranh dân gian truyền thống của Việt Nam, có nguồn gốc từ làng Hàng Trống, Hà Nội. Đây là một trong những làng nghề lâu đời và nổi tiếng với các sản phẩm tranh vẽ trên giấy, vải bằng mực và màu nước.

Tranh Hàng Trống mang bản sắc sâu sắc và thẩm mỹ độc đáo của tầng lớp thượng lưu



Quá trình vẽ

- Tranh Hàng Trống được làm bằng cả kỹ thuật in và kỹ thuật sơn.
- Công đoạn đầu tiên để làm tranh Hàng Trống là in viền đen bằng bản khắc gỗ, công đoạn tiếp theo là vẽ các chi tiết và tô màu cho bức tranh bằng tay.
- Cọ vẽ là để tô màu cho hình ảnh mềm mại.



Nguyên vật liệu

- Loại giấy dùng là giấy xuyên chỉ



Màu sắc

- Màu sắc chủ đạo: Phần lớn các bức tranh Hàng Trống sử dụng màu sắc tự nhiên như đỏ, xanh lá cây, xanh da trời, vàng, nâu và đen. Đây là những màu sắc cơ bản nhưng lại được sắp xếp và phối hợp một cách tinh tế để tạo ra các hình ảnh sinh động và đẹp mắt.

